

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HSST

Ngày: 16 - 01 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Tiên và bà Nguyễn Thị Lan;

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Minh Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Nghị - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2019; quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HS ngày 09/01/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Chu Thị T**; Tên gọi khác: Chu Thị Th; Giới tính: Nữ;

Sinh ngày: 10/9/1973, tại Hà Nội;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 11 (*nay là tổ dân phố 04*), phường M, thành phố Đ, tỉnh B;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 4/12;

Con ông Chu Văn Th (đã chết) và bà Nguyễn Thị B;

Chồng: Nguyễn Ngọc L (đã ly hôn); Con: Có một con sinh năm 2000;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ từ ngày 08/9/2019, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam; đến ngày 27/11/2019 được áp dụng biện pháp "Bảo lĩnh" cho đến nay - Có mặt;

Nhân thân: Bị cáo đã từng bị kết án nhưng đã được xóa án tích.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Vi Thị Ch; địa chỉ: Tổ dân phố 14, phường M, thành phố Đ, tỉnh B -
Vắng mặt khi tuyên án có lý do;

- Bà Hoàng Thị M; địa chỉ: Tổ dân phố 08, phường M, thành phố Đ, tỉnh B
- Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Ngày 08/9/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Điện Biên Phủ khám xét nơi ở của bị cáo Chu Thị T tại tổ dân phố 11, phường M, thành phố Đ; thu giữ: 03 viên nén màu trắng hình lục giác; 03 gói tinh thể trắng dạng đá được gói trong một ống nhựa màu xanh, giấy ăn màu trắng, 02 mảnh nilon hồng và 05 túi nilon trắng; 02 túi nilon trắng trong suốt bên trong mỗi túi có chứa thân và lá cây thực vật khô; 05 bình nhựa hình trụ chứa dung dịch có thân, lá và quả cây thực vật. Bị cáo khai: Các viên nén và số tinh thể màu trắng bị thu giữ là ma túy tổng hợp; số thân, lá, quả thực vật bị thu giữ là thân, lá, quả cây thuốc phiện. Ma túy tổng hợp bị cáo nhờ Trần Thị Th mua hộ hết 6.000.000 đồng để bị cáo mời bạn bè sử dụng khi sinh nhật nhưng chưa sử dụng; tiền mua ma túy bị cáo đưa cho Đỗ Thị Q. Số thân, lá, quả cây thuốc phiện do một người bạn (không còn nhớ là ai) cho bị cáo từ 2010; bị cáo đã lấy một phần ngâm vào 05 bình nhựa, phần còn lại để trong túi nilon, chưa biết sử dụng vào việc gì.

Bị cáo bị tố cáo về tội cho vay lãi nặng, nhưng quá trình điều tra không có căn cứ về việc bị cáo cho vay lãi nặng đối với người tố cáo. Tuy nhiên, bị cáo đã tự thú nhận về hành vi cho vay lãi nặng chưa bị ai phát hiện như sau:

Ngày 28/3/2019, bị cáo cho bà Vi Thị Ch vay 500.000.000 đồng tiền mặt, lãi suất thỏa thuận 3.000 đồng trên một triệu một ngày. Theo yêu cầu của bị cáo, bà Ch viết giấy vay tiền nhưng không ghi lãi suất. Đến ngày 28/4/2019, bà Ch đã trả cho bị cáo 45.000.000 đồng tiền lãi của 30 ngày vay đầu tiên; sau đó bà Ch chưa trả thêm cho bị cáo khoản tiền nào.

Ngày 28/6/2019, bị cáo cho bà Hoàng Thị M vay 230.000.000 đồng qua

chuyển khoản, lãi suất thỏa thuận 3.000 đồng trên một triệu một ngày. Đến ngày 14/7/2019 bà M chuyển khoản trả cho bị cáo 150.000.000 đồng tiền gốc và 11.040.000 đồng tiền lãi của 16 ngày vay đầu; ngày 03/9/2019 bà M trả cho bị cáo 80.000.000 đồng tiền gốc còn lại và 11.760.000 đồng tiền lãi của 49 ngày vay sau.

Đề liên lạc với bà Ch và bà M khi cho vay nặng lãi, bị cáo sử dụng điện thoại di động Nokia X2, sim số 0915.603.603 và 0367.603.603; chiếc điện thoại này Cơ quan điều tra đã thu giữ cùng chiếc điện thoại di động Samsung J7 kèm sim số 0919.512.427 của bị cáo và một số giấy tờ có liên quan đến việc cho vay nặng lãi.

Trước khi mở phiên tòa, bị cáo đã tự nguyện trả lại cho bà Ch và bà M toàn bộ số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20% một năm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi tàng trữ phép chất ma túy và hành vi cho vay nặng lãi của mình; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai về việc đã vay tiền nặng lãi của bị cáo như đã nêu trên.

2. Các vấn đề khác:

Kết luận giám định:

Bản kết luận giám định số 887/GĐ-PC09 ngày 09/9/2019 và số 1011/GĐ-PC09 ngày 10/11/2019 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Điện Biên kết luận:

- 03 viên nén màu trắng hình lục giác (mẫu M1) có khối lượng 1,54 gam; là chất ma túy loại MDMA, nằm trong danh mục các chất ma túy, số thứ tự 27, mục IB, danh mục I, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; sau giám định, niêm phong và hoàn lại 1,51 gam mẫu vật.

- Các hạt tinh thể màu trắng (mẫu M2) có khối lượng 0,36 gam; là chất ma túy loại Ketamine, nằm trong danh mục các chất ma túy, số thứ tự 35, danh mục III, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; sau giám định, niêm phong và hoàn lại 0,33 gam mẫu vật.

- Các hạt tinh thể màu trắng (mẫu M3 và M4) có tổng khối lượng 0,64 gam; là chất ma túy loại Methamphetamine, nằm trong danh mục các chất ma túy, số thứ tự 323, mục IIC, danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; sau giám định, niêm phong và hoàn lại tổng số 0,58 gam mẫu vật.

- 05 mẫu quả thực vật (mẫu Q1, Q2, Q3, Q4, Q5) có tổng khối lượng 292,7 gam (*sau khi đã làm khô*); là quả thuốc phiện, nằm trong danh mục các chất ma túy, số thứ tự 398, mục IID, danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày

15/5/2018 của Chính phủ; sau giám định, niêm phong và hoàn lại tổng số 279,2 gam mẫu vật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về các kết luận giám định nêu trên.

3. Quyết định truy tố và đề nghị của Viện kiểm sát:

Cáo trạng số 96/CT-VKSTPĐBP ngày 29/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ truy tố bị cáo Chu Thị T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", theo điểm i khoản 1 Điều 249 BLHS và tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", theo khoản 1 Điều 201 BLHS. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm n, s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54 và Điều 55 BLHS: Xử phạt bị cáo từ 06 đến 12 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm n, s, t, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 35, Điều 54 và Điều 55 BLHS: Xử phạt bị cáo từ 50 triệu đến 60 triệu đồng về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; vật chứng đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, xin được hưởng mức án thấp nhất vì bị cáo đang mang thai và gặp khó khăn về tài chính, tiền nợ Ngân hàng cũng chưa trả được.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tội danh bị truy tố: Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ được, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ để xác định:

Bị cáo Chu Thị T có hành vi cất giữ trái phép 1,54 gam MDMA; 0,36 gam Ketamine; 0,64 gam Methamphetamine và 292,7 gam quả thuốc phiện khô tại nhà mình, ở tổ dân phố 11 (nay là tổ dân phố 04), phường M, thành phố Đ với mục đích để sử dụng; hành vi này đã bị Cơ quan điều tra phát hiện khi khám xét nhà của bị cáo vào ngày 08/9/2019. Tỷ lệ phần trăm về khối lượng chất ma túy bị cáo tàng trữ tính theo Nghị định 19/2018 ngày 02/02/2018 của Chính phủ là 45,98% và thuộc trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 BLHS.

Ngoài ra bị cáo còn có hành vi cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự với mức lãi suất gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất 20% một năm quy định trong Bộ

luật Dân sự 2015; cụ thể: Ngày 28/3/2019 bị cáo cho bà Vi Thị Ch vay 500.000.000 đồng; ngày 28/6/2019 bị cáo cho bà Hoàng Thị M vay 230.000.000 đồng; mức lãi suất cả hai khoản vay là 3.000 đồng trên một triệu một ngày (0,3% một ngày), tương ứng 109,5 % một năm. Bà Ch đã trả cho bị cáo 45.000.000 đồng tiền lãi của 30 ngày vay đầu tiên, chưa trả gốc bị cáo thu lợi bất chính 36.780.822 đồng. Bà M đã trả cho bị cáo hết 230.000.000 đồng tiền gốc và 22.800.000 đồng tiền lãi; trong đó: lần đầu trả 150.000.000 đồng tiền gốc và 11.040.000 đồng tiền lãi trong 16 ngày của 230.000.000 đồng; lần hai trả 80.000.000 đồng tiền gốc và 11.760.000 đồng tiền lãi trong 49 ngày của 80.000.000 đồng. Theo quy định của BLDS, với số tiền vay và thời gian vay trên, bị cáo chỉ được thu tiền lãi mức cao nhất của bà Ch là 8.219.178 đồng; của bà M là 4.164.384 đồng; như vậy, bị cáo đã thu lợi bất chính từ bà Ch 36.780.822 đồng, thu lợi bất chính từ bà M 18.635.616 đồng.

Khoản 1 Điều 249 BLHS quy định: "*Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

đ) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 05 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;

g) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 20 gam.

i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này".

Khoản 1 Điều 201 BLHS quy định: "*Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm".*

Các hành vi trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo điều luật đã viện dẫn.

[2] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng đối với tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và ít nghiêm trọng đối với tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý các chất ma túy và trật tự

quản lý kinh tế của Nhà nước; nguyên nhân là do bị cáo thiếu rèn luyện, ham vui, háms lợi nhuận; cần phải áp dụng hình phạt tương ứng đối với mỗi tội danh của bị cáo, để giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm nói Ch.

Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm; tự thú về hành vi cho vay lãi nặng; hiện tại bị cáo đang có thai; đã tự nguyện trả cho người vay khoản tiền lãi vượt quá mức quy định; những người này đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tương ứng đối với mỗi tội danh theo Điều 51 BLHS, đồng thời áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định đối với cả hai tội danh theo Điều 54 BLHS; thể hiện chính sách pháp luật khoan hồng giáo dục, cải tạo hơn là trừng trị của Đảng và nhà nước ta đối với người phạm tội.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; mức hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng đối với bị cáo là có cơ sở để chấp nhận đối với tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Riêng tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ lại đang có thai, nên HĐXX áp dụng hình phạt tiền thấp hơn mức Viện kiểm sát đề nghị, mà không chuyển sang hình phạt khác nhẹ hơn theo Điều 54 BLHS, tạo điều kiện cho bị cáo trong việc thi hành các khoản tiền phải nộp sau này.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo Khoản 5 Điều 249 BLHS thì: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"*; theo Khoản 3 Điều 201 BLHS thì: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm"*. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy: Bị cáo đã thế chấp nhà đất của mình để vay tiền, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định; số tiền bị cáo cho vay đều là tiền bị cáo vay Ngân hàng sau đó cho vay lại để hưởng chênh lệch; mặt khác bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, do đó HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Vật chứng và các vấn đề khác:

Sổ ma túy còn lại sau giám định tịch thu để hủy cùng với vỏ gói ma túy không có giá trị sử dụng. Sổ thân, lá cây thuốc phiện còn lại sau giám định mặc dù không được quy định là chất ma túy nhưng có liên quan đến hành vi phạm tội nên cũng bị tịch thu để hủy.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước của bị cáo chiếc điện thoại Nokia X2 cùng hai sim số 0915.603.603 và 0367.603.603, bị cáo đã dùng để liên lạc khi cho vay nặng lãi. Chiếc điện thoại di động Samsung J7 pro kèm sim số 0919.512.427 không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Bà Ch và bà M đã trả cho bị cáo tổng số 67.800.000 đồng tiền lãi; trong đó có 55.416.438 đồng thu lợi bất chính (vượt quá mức lãi suất 20% một năm), bị cáo đã trả lại cho bà Ch và bà M nên HĐXX không đề cập xử lý. Số tiền lãi 12.383.562 đồng (tương ứng với mức lãi suất 20% một năm) là khoản tiền phát sinh từ tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Khoản tiền gốc 730.000.000 đồng bị cáo cho chị Ch và chị M vay là phương tiện bị cáo thực hiện hành vi phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước; trong đó: 230.000.000 đồng bà M đã trả cho bị cáo nên bị cáo phải nộp, 500.000.000 đồng bà Ch chưa trả cho bị cáo nên bà Ch phải nộp.

Bị cáo khai số ma túy bị cáo nhờ Trần Thị Th và Đỗ Thị Q mua hộ khi gặp ở quán cà phê, quá trình điều tra không đủ cơ sở để kết luận lời khai này; số thân, lá, quả cây thuốc phiện bị cáo cho nhưng không nhớ ai cho, nên không có cơ sở đấu tranh làm rõ; vì vậy HĐXX không đề cập xử lý đối với các đối tượng này.

[5] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về lệ phí và án phí Tòa án.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Điện Biên Phủ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Chu Thị T (Tên khác: Chu Thị Th) phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Hình phạt:

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm n, s, t khoản 1 Điều 51; khoản 1 và

khoản 3 Điều 54 và Điều 55 BLHS xử phạt bị cáo 06 (Sáu) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giam, tạm giữ từ ngày 08/9/2019 đến hết ngày 27/11/2019 là 81 ngày (02 tháng 21 ngày), bị cáo còn phải thi hành 03 (Ba) tháng 09 (Chín) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm b, n, r, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 và khoản 3 Điều 54 và Điều 55 BLHS xử phạt bị cáo 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

3. Vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS và Điều 357 BLDS:

- Tịch thu để hủy:
 - + 1,51 gam MDMA; 0,33 gam Ketamine; 0,58 gam Methamphetamine;
 - + 01 đoạn ống nhựa xanh, 02 mảnh nilon hồng, 01 mảnh giấy ăn trắng, 05 túi nilon trắng, 05 ống hút bằng nhựa, 02 tàu bằng T tinh, 07 chiếc bật lửa gas, một hộp giấy màu đen, 01 khăn màu hồng, 01 túi nilon đen, 05 bình nhựa bên trong chứa dung dịch lỏng và thân, lá, cây thuốc phiện;
 - + 279,2 gam quả thuốc phiện khô; 241,8 gam thân, lá cây thuốc phiện và 02 túi nilon trắng;
- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước của bị cáo một điện thoại di động NoKia X2 màu đen, kèm 02 sim điện thoại số 0915.603.603 và 0367.603.603;
- Trả lại cho bị cáo một điện thoại di động Samsung J7 pro màu đen, kèm 01 sim điện thoại số 0919.512.427 và vỏ ốp.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 12 năm 2019 giữa Chi cục thi hành án dân sự và Cơ quan cảnh sát điều tra).

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước của bị cáo số tiền 742.383.562 đồng (*Bảy trăm bốn mươi hai triệu ba trăm tám ba nghìn năm trăm sáu hai đồng*); trong đó:
 - + Bị cáo Chu Thị T phải nộp 230.000.000 đồng tiền gốc và 12.383.562 đồng tiền lãi đã nhận;
 - + Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vi Thị Ch phải nộp 500.000.000 đồng và không phải trả cho bị cáo khoản tiền đã vay này.

4. Nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong những khoản tiền phải nộp (gồm hình phạt chính và tiền bị

tịch thu), hàng tháng bị cáo Chu Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vi Thị Ch còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 16/01/2020; nếu những người này vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt có lý do khi tuyên án thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Viện kiểm sát TP.ĐBP;
- Viện kiểm sát tỉnh ĐB;
- Cơ quan CSĐT công an TP.ĐBP;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Nhà tạm giữ CATP;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- HS Thi hành án HS;
- Chi cục Thi hành án DS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ;
- VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhung